TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 12 - 2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu;

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn;

2. Ông Nguyễn Xuân Thu.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phùng Thị Tố Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Minh – kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2023/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 về việc *Ly hôn*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn X Tr, xã Y T, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Hữu S, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn Th Nh, xã Th1 Th2, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh S. Anh S có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2023, bản tự khai ngày 28/6/2023 nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị và anh Lê Hữu S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y T, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 23/12/1990. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến đầu năm 2003 thì phát dinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, nên trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra va chạm, chửi bới xúc phạm nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị H đã về nhà mẹ đẻ ở từ đầu năm 2003 đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay chị H xét thấy tình cảm

vợ chồng không còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Hữu S.

Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị T, sinh ngày 02/3/1990 và cháu Lê Hữu A, sinh ngày 06/3/1993. Hiện nay các cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày quan điểm ngày 21/9/2023 anh Lê Hữu S trình bày: Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án qua anh trai của anh, do anh đang đi làm ăn ở xa và điều kiện công việc mới xin vào đang thử việc nên không thể về trực tiếp làm việc với Tòa án được. Anh S trình bày anh và chị Lê Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 23/12/1990 tại UBND xã Y T, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường cho đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cô Hạnh đi làm ăn xa, vợ chồng sống xa nhau nên không có sự gắn kết, chia sẻ. Từ đó vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay cô Hạnh làm đơn xin ly hôn, anh S xét thấy quan hệ vợ chồng chỉ còn trên danh nghĩa, không thể hàn gắn nên anh S đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung: Anh S trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Thu, sinh ngày 02/3/1990 và cháu Lê Hữu A, sinh ngày 06/3/1993. Hiện nay các cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và công nợ anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Hữu S, về con chung cháu Lê Thị T, sinh ngày 02/3/1990 và cháu Lê Hữu A, sinh ngày 06/3/1993 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong đơn xin xét xử vắng mặt anh S đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị, về con chung anh S đều đề nghị cháu Lê Thị T, sinh ngày 02/3/1990 và cháu Lê Hữu A, sinh ngày 06/3/1993 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản anh S không yêu cầu giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa có quan điểm: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa xét xử, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa không có yêu cầu hoặc kiến nghị gì cần khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm c khoản 2 điều 4 thông tư liên tịch số 01/2016 ngày 06/01/2016.

Về hôn nhân: đề nghị xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Hữu S.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hữu S, anh S có hộ khẩu tại Thôn Th Nh, xã Th1 Th2, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, nên căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Lê Thị H và anh Lê Hữu S đã được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, chị H và anh S đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H, anh S.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Hữu S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y T, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 23/12/1990. Tại phiên tòa chị H thừa nhận bản thân sinh năm 1974 mới là đúng, tại các giấy tờ tùy thân và giấy khai sinh chị H sinh năm 1974, tuy nhiên thời điểm chị đăng ký kết hôn là năm 1990 do nhận thức được việc chưa đủ tuổi nên chị đã khai với chính quyền địa phương là chị sinh năm 1973, hiện chứng minh nhân dân chưa làm được. Vì vậy mà UBND xã đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh S và chị H theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường cho đến đầu năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, mặt khác chị H đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng không gắn kết. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị H và anh S sống ly thân nhau từ năm 2003 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tại biên bản làm việc với người thân của anh Lê Hữu S là ông Lê Hữu Lơi (anh trai của anh Lê Hữu S). Ông Lợi cho biết chị H và anh S kết hôn với nhau tự nguyện, giữa chị H và anh S có xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân nhau, anh S về sống chung cùng gia đình ông Lợi, thời gian gần đây anh S đia vào Đà Lạt, các văn bản tố tụng của Tòa án ông Lợi đã thông báo cho anh S biết, do ở xa và công việc anh S mới xin nên không về được, anh S đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng. Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Y T, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa về việc làm thủ tục đăng ký kết hôn cho chị Lê Thị H và anh Lê Hữu S. Đại diện chính quyền địa phương cho biết chị H và anh S có đến UBND xã làm thủ tục đăng ký kết hôn và được vào sổ lưu đúng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên hiện nay xã chỉ còn lưu sổ đăng ký kết hôn còn hồ sơ đăng ký kết hôn của công dân không còn lưu trữ. Như vậy chứng tỏ anh S và chị H đăng ký kết hôn khi chị H chưa đủ tuổi theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 1986. Tuy nhiên thời điểm xin ly hôn chị H đã đủ tuổi. Quá trình chung sống vợ chồng đã có con chung, sau này mới xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị H, anh S đều đề nghị Tòa án giải quyết

cho anh chị được ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm c khoản 2 điều 4 thông tư liên tịch số 01/2016 ngày 06/01/2016, xử cho chị H được ly hôn anh S là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị H, anh S đều khai nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị T, sinh ngày 02/3/1990 và cháu Lê Hữu A, sinh ngày 06/3/1993; Chị H xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu cháu Lê Thị T, sinh ngày 02/3/1990 và cháu Lê Hữu A, sinh ngày 06/3/1993 có ghi họ tên mẹ là chị Lê Thị H, họ tên bố là anh Lê Hữu S, như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu Lê Thị T, sinh ngày 02/3/1990 và cháu Lê Hữu A, sinh ngày 06/3/1993 là con chung của chị H, anh S. Quá trình giải quyết vụ án chị H, anh S đều trình bày các cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng nên chị H, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4]. Về tài sản và công nợ: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 227; điều 228; điều 271; điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5 luật Hôn nhân gia đình năm 1986; Điểm c khoản 2 điều 4 thông tư liên tịch số 01/2016 ngày 06/01/2016; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị H ly hôn anh Lê Hữu S.

2. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2022/0000527 ngày 31/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa. (Chị H đã nộp đủ án phí).

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự,
- VKSND huyện Thiệu Hóa,
- TAND tỉnh Thanh Hóa,
- UBND xã Y T;
- Chi cục thi hành án dân sự Thiệu Hóa,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**